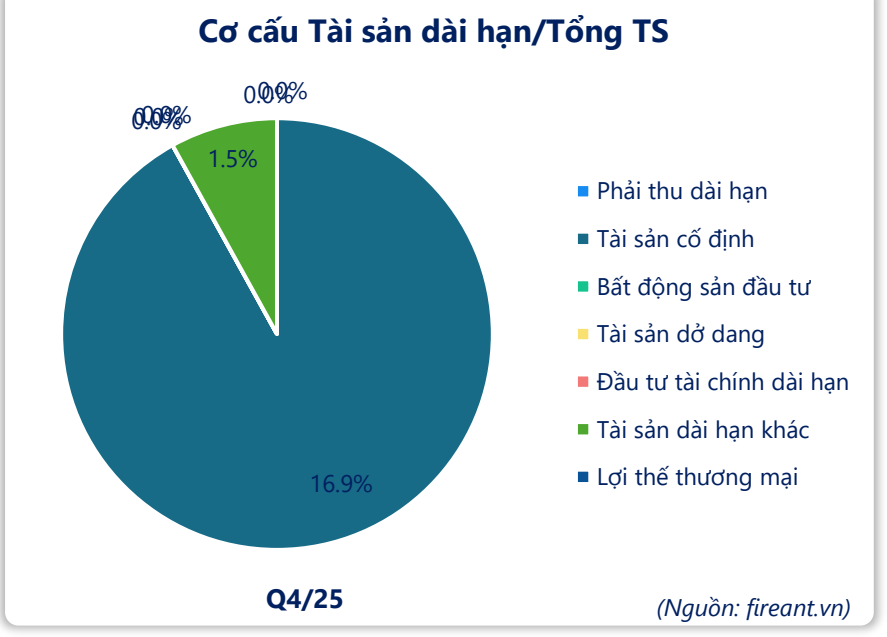
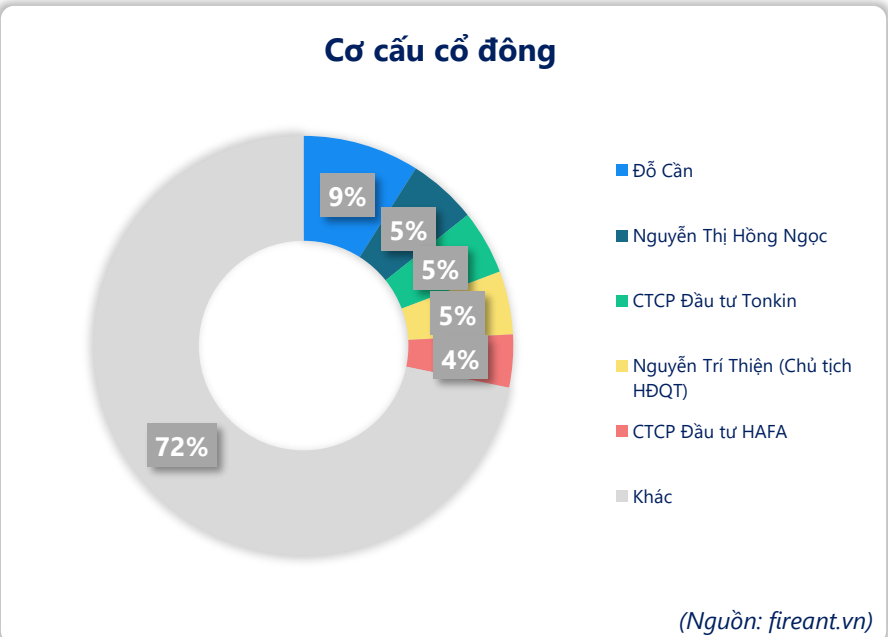
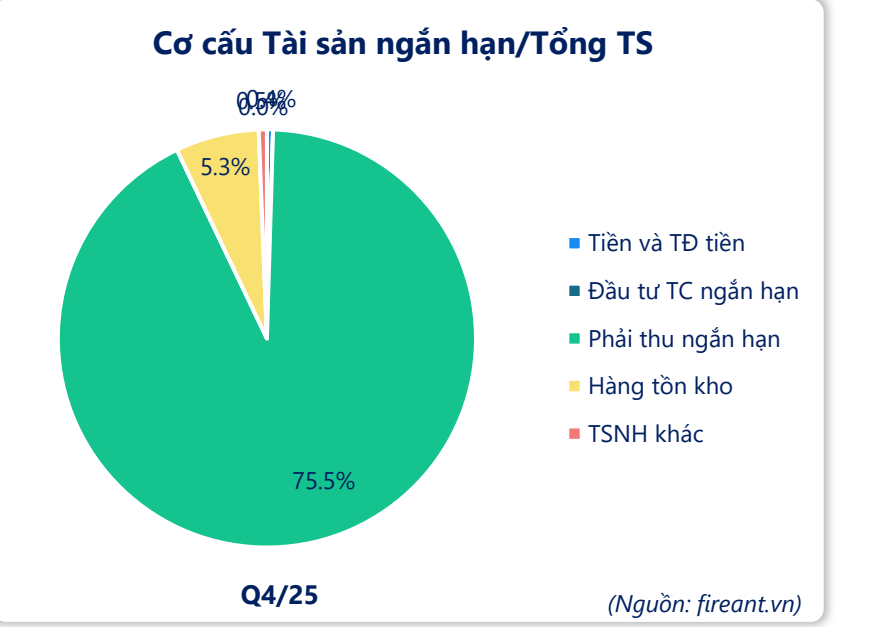
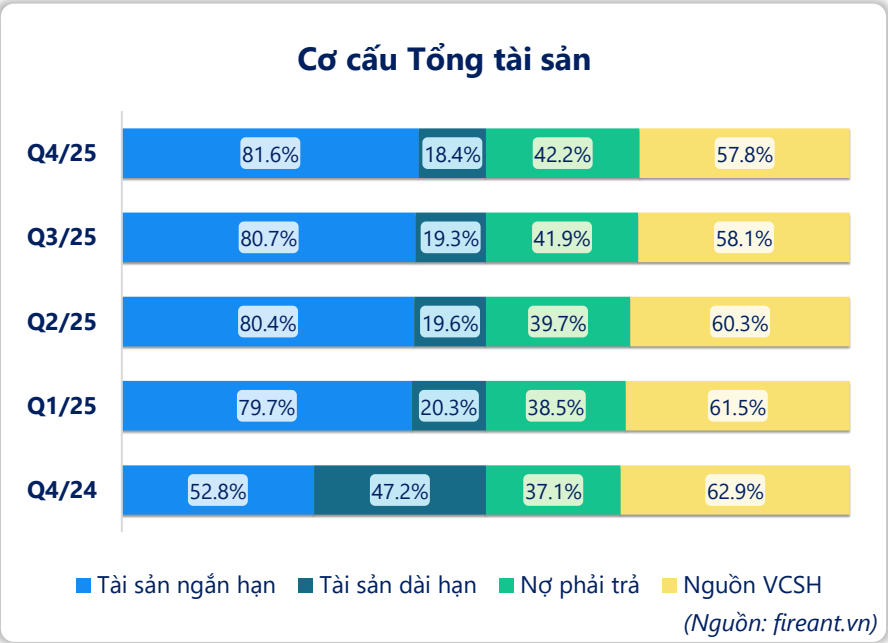
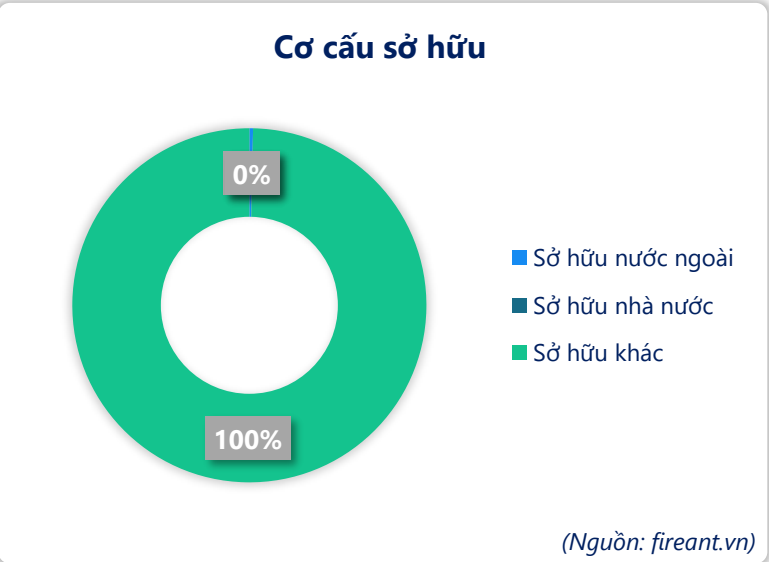
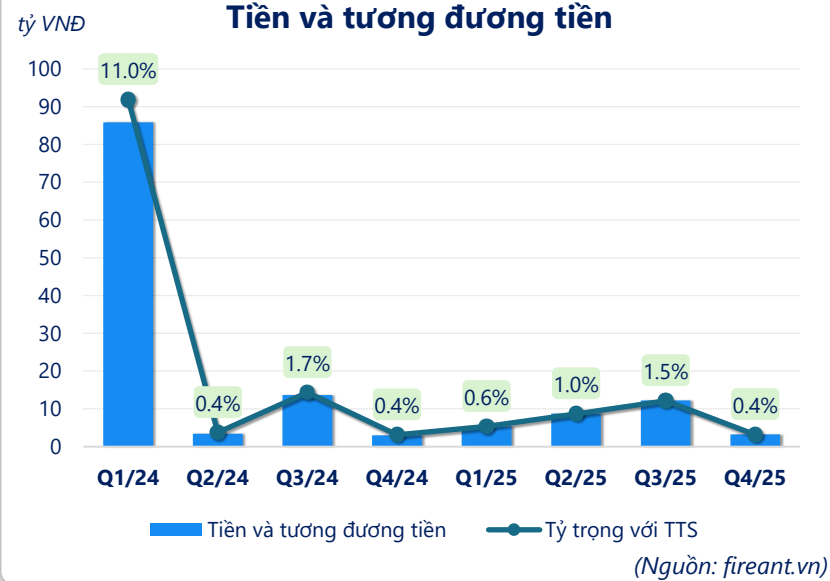


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		1,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		1,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,700
SL cổ phiếu LH		79,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		135
P/E		-6.1
EPS		-281

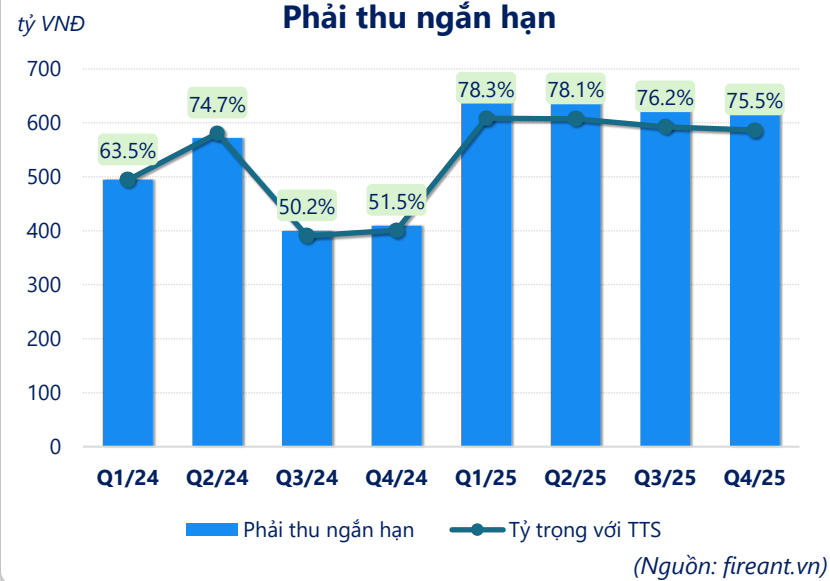
	YTD	1T	3T	6T
SJF	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%



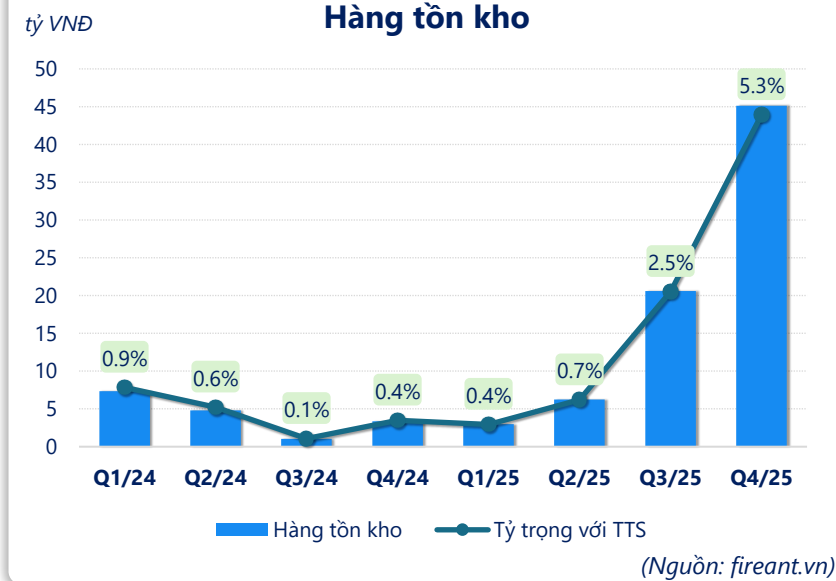
Tiền và tương đương tiền



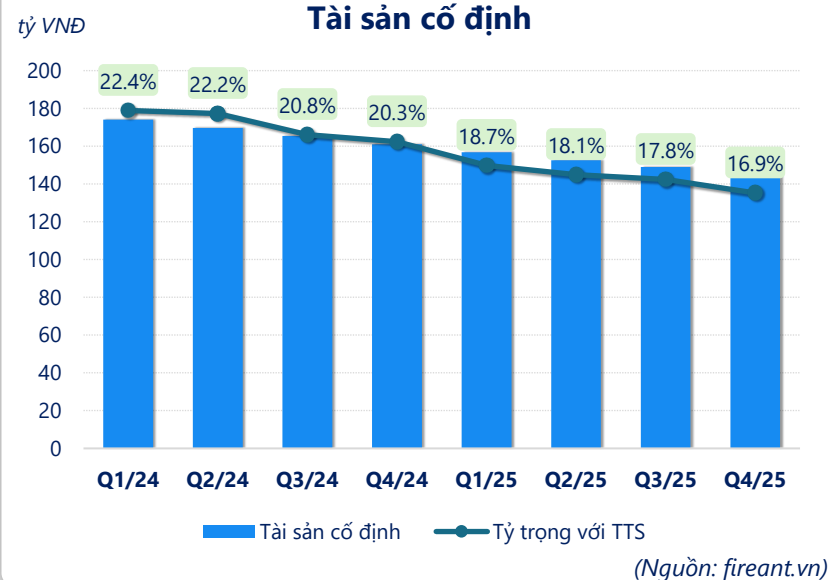
Phải thu ngắn hạn



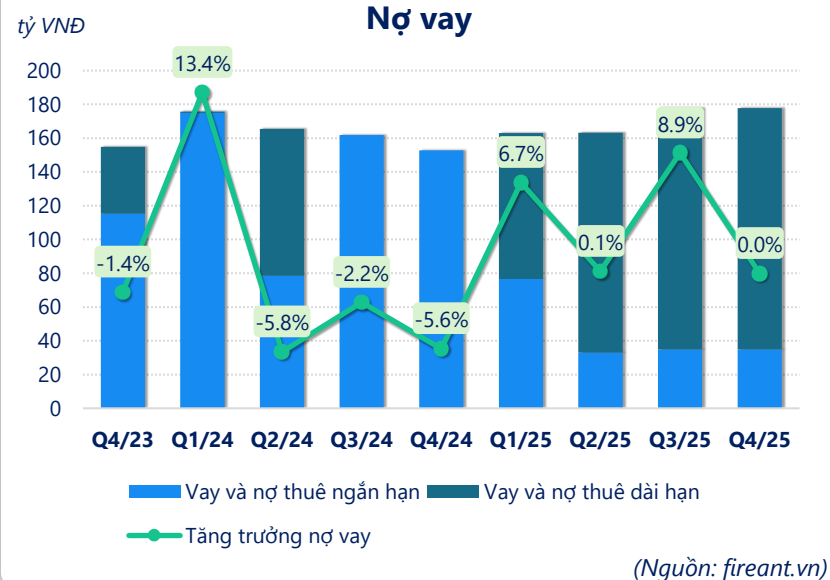
Hàng tồn kho



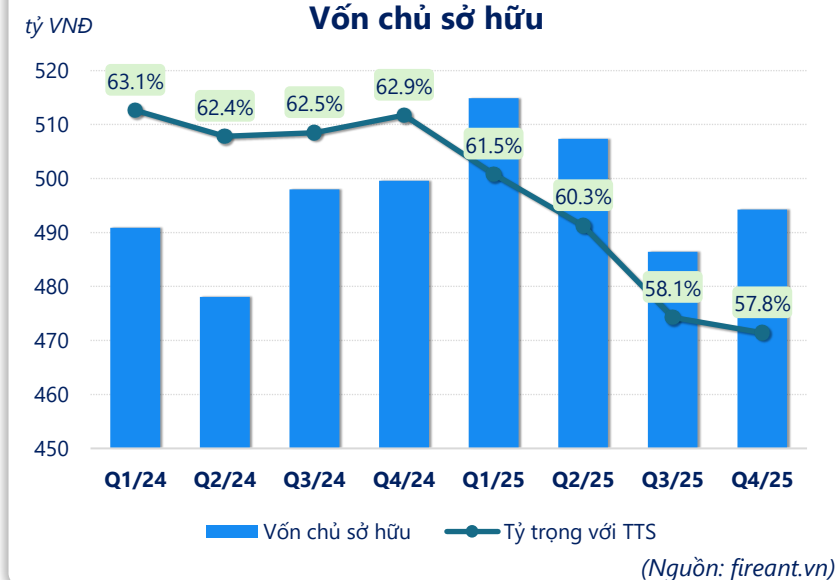
Tài sản cố định

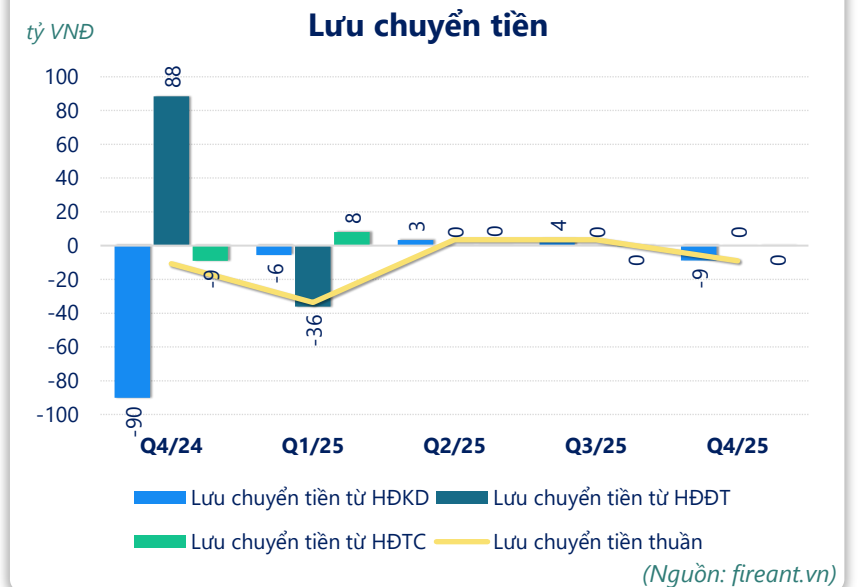
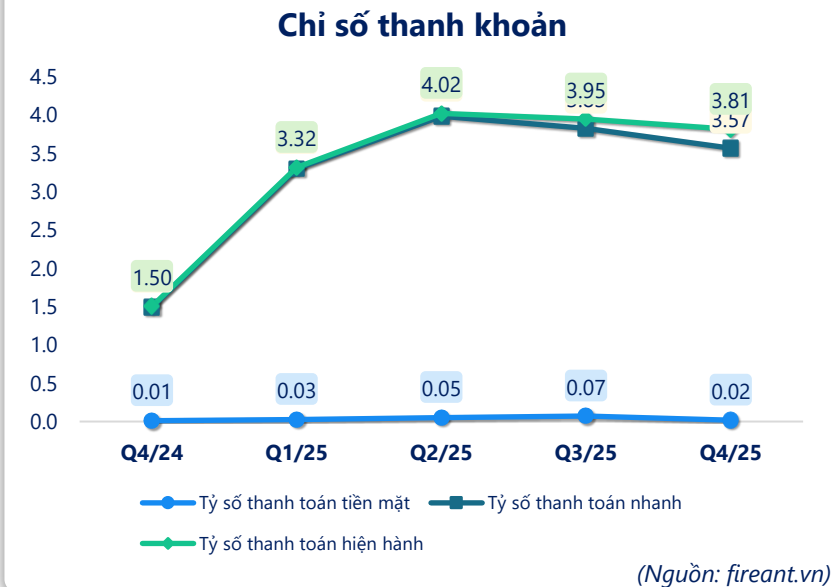
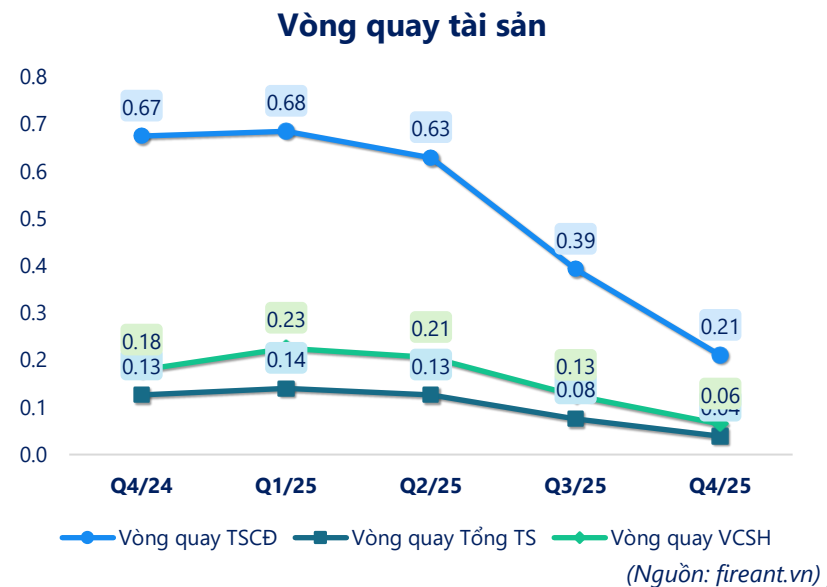
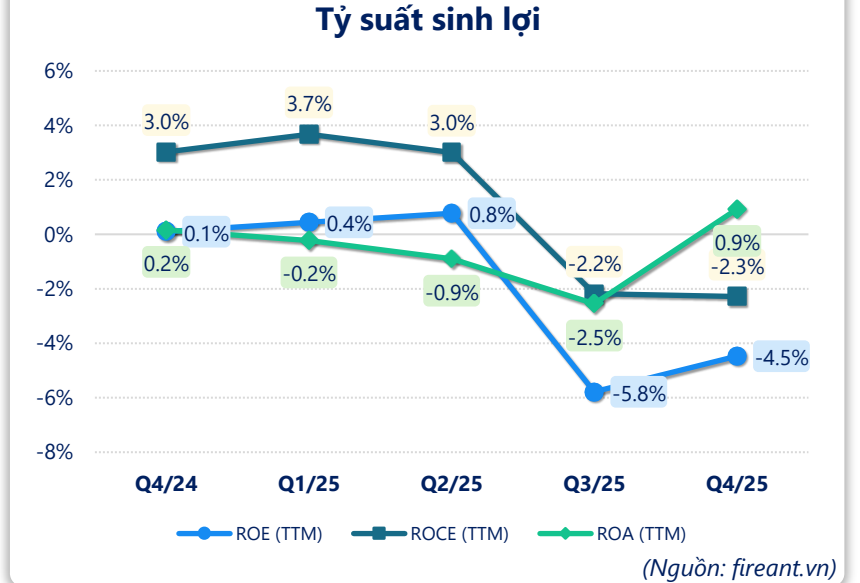
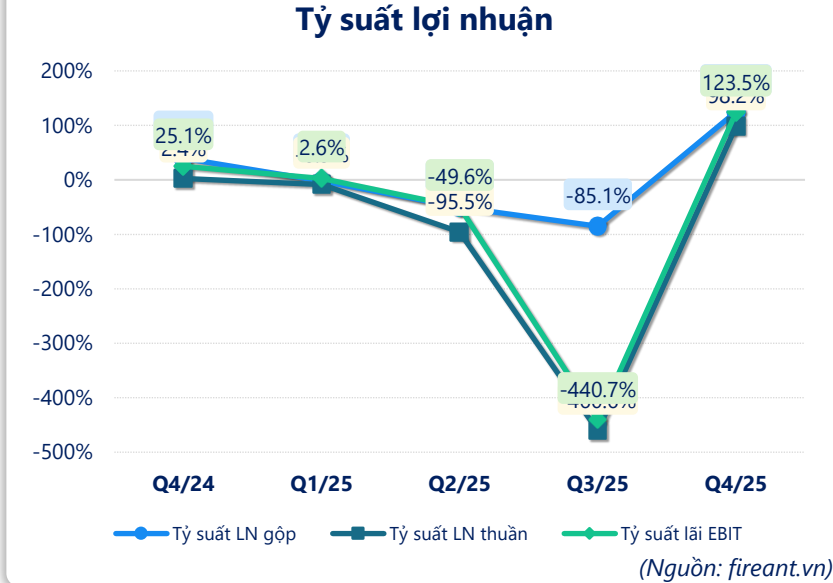
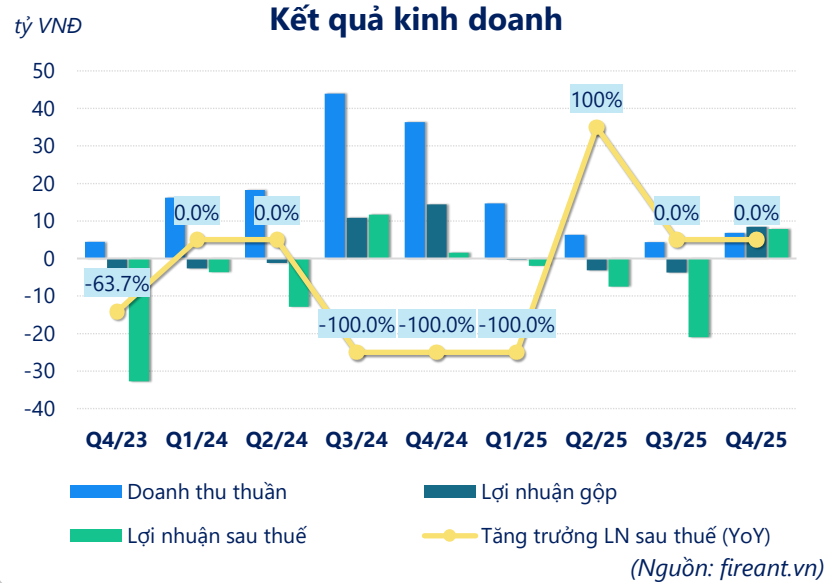


Nợ vay



Vốn chủ sở hữu





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	856	813	5.3%
Tài sản ngắn hạn	699	638	9.4%
Tiền và tương đương tiền	3.29	39.0	-91.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	646	592	9.1%
Hàng tồn kho	45.1	3.46	1205%
Tài sản ngắn hạn khác	4.38	3.82	14.6%
Tài sản dài hạn	157	174	-9.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	145	161	-10.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	12.6	13.3	-5.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	362	296	22.2%
Nợ ngắn hạn	183	166	10.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	34.9	68.6	-49.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.8	20.9	-34.1%
Nợ dài hạn	178	130	37.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	143	86.4	65.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	494	517	-4.4%
Vốn chủ sở hữu	494	517	-4.4%
Vốn điều lệ	792	792	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	36.3	14.6	6.32	4.36	6.79
Giá vốn hàng bán	21.9	15.0	9.51	8.07	-1.69
Lợi nhuận gộp	14.4	-0.34	-3.19	-3.71	8.49
Doanh thu HĐTC	0.49	2.38	2.41	0.61	0.79
Chi phí TC	10.6	1.69	2.90	15.9	1.67
Chi phí lãi vay	8.22	1.69	2.90	0.87	1.67
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.41	0.90	1.09	0.41	0.34
Chi phí QLDN	1.03	0.76	1.27	0.67	0.60
LN thuần từ HĐKD	0.89	-1.30	-6.03	-20.1	6.67
Lợi nhuận khác	0	0	0	0.00	0.05
LN trước thuế	0.89	-1.30	-6.03	-20.1	6.72
Lợi nhuận sau thuế	1.56	-1.97	-7.48	-21.0	7.86
LNST của CĐ cty mẹ	1.44	-1.85	-7.23	-20.8	7.65

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-90.1	-5.69	3.21	3.95	-8.90
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	88.5	-36.0	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.04	8.05	0.21	-0.50	-0.05
Tiền đầu kỳ	13.7	39.0	5.36	8.79	12.2
Lưu chuyển tiền thuần	-10.7	-33.7	3.43	3.46	-8.95
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	2.98	5.36	8.79	12.2	3.29

(Nguồn: fireant.vn)